



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04966/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1722.NT7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 07/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An,
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1722.NT7**: "Tại hố ga tập trung trước khi thải ra môi trường
Tọa độ: X: 1209543 ; Y: 397213."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.1722.NT7	Cột A-Cmax
1	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=5)	50
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	16	36
3	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,06
4	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,06
5	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,006
6	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,12
7	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	124,7	600
8	Cyanua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (LOD=0,002)	0,084
9	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,12
10	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,4	24
11	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,71	4,8
12	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	920	3.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột A: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt ($C_{max}=C*K_q*K_f$, trong đó $K_q=1,2$ và $K_f=1,0$);
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04532/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1524.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1524.KT1**: "KT1: Sau hệ thống xử lý bụi số 1 công đoạn phối trộn nguyên liệu tại xường F9
nguồn số 01 và nguồn số 02. Tọa độ: X:1209317.1; Y:396868.2."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.1524.KT1	Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.280	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,7	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	5,2	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cmax: Kp=0,8 và Kv=0,6
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04533/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1524.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1524.KT2: "KT2: Sau hệ thống xử lý bụi số 2 công đoạn trộn cao su tại xưởng F9 nguồn số 03. Tọa độ: X:1209427.1; Y:396860.2."**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.1524.KT2	Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	4.872	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,6	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	37	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	5,8	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cmax: Kp=0,8 và Kv=0,6
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04503/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1508.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1508.KT1**: KT3: Sau hệ thống xử lý bụi số 3 công đoạn mài tại xưởng F12 nguồn số 04
Tọa độ: X:1209429,1 Y:397000,2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1508.KT1	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	19.676	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,6	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	7,5	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=0,6;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04914/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1570.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 06/06/2025

Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An,
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.1570.KT1: KT4: : Sau hệ thống xử lý bụi số 4 công đoạn đánh mòn tại xưởng F14 nguồn số 05.
Tọa độ: X:1209459,1; Y:3970071,2.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.1570.KT1	Cột B Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	8.081	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,6	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	39	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	9,3	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=0,6
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04915/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1570.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 06/06/2025

Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An,
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.1570.KT2: KT5: Sau hệ thống xử lý bụi số 5 công đoạn xịt keo tại xưởng F14 nguồn số 06.
Tọa độ: X: 1209453,1; Y:397057,2.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.1570.KT2	Cột B Kp=0,8 và Kv=0,6
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	13.322	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,6	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	39	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	7,8	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=0,6
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04595/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1524.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1524.KT3**: "KT6: Sau hệ thống xử lý bụi số 6 công đoạn đánh mòn tại xưởng NID (NYB)
gồm nguồn số 07 và nguồn số 08. Tọa độ: X:1209500.1; Y:397000.2."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.1524.KT3	Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	2.858	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,6	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	3,7	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cmax: Kp=0,8 và Kv=0,6
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04590/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1508.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1508.KT2**: KT7: Sau hệ thống xử lý bụi số 7 công đoạn xịt keo tại xưởng F13 nguồn số 09
Tọa độ: X:1209389,1 ; Y:397046,2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1508.KT2	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.145	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,7	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	4,3	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: Kp=0,8 và Kv=0,6;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04518/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1469.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1469.KT1**: KT8: Sau hệ thống xử lý bụi số 8 công đoạn xịt keo tại xưởng F15 (65K)
nguồn số 10. Tọa độ: X:1209465,1 ; Y:397028,2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1469.KT1	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	801	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,5	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	33	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	6,3	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột: Kp=0,8 và Kv=0,6
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiển



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04519/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1469.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1469.KT2**: "KT9: Sau hệ thống xử lý bụi sơn số 1 công đoạn xịt sơn tại xưởng F22
gồm các nguồn số 11, nguồn số 12, nguồn số 13 và nguồn số 14.
Tọa độ: X:1209502,1 ; Y:397092,2"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1469.KT2	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	26.583	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	7,7	96 ⁽¹⁾
3	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400 ⁽²⁾
4	Cyclohexanon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	400 ⁽²⁾
5	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,54	-
6	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	39	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột: Kp=0,8 và Kv=0,6
- ⁽²⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04574/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1469.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1469.KT3: KT10:** Sau hệ thống xử lý bụi sơn số 2 công đoạn xịt sơn tại xưởng F22 gồm
nguồn tài số 15, nguồn thải số 16, nguồn thải số 7 và nguồn thải số 18.
Tọa độ: X:1209505,1 ; Y:397115,2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1469.KT3	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	20.470	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	8,2	96 ⁽¹⁾
3	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,374	1.400 ⁽²⁾
4	Cyclohexanon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	400 ⁽²⁾
5	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,57	-
6	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	37	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột: Kp=0,8 và Kv=0,6
- ⁽²⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04592/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1469.KT4
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.1469.KT4: KT11:** Sau hệ thống xử lý bụi sơn số 3 công đoạn xịt sơn tại xưởng F22
gồm nguồn số 19, nguồn số 20, nguồn số 21 và nguồn số 22.
Tọa độ: X:1209505,1 ; Y:397130,2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1469.KT4	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	39.268	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	6,8	96 ⁽¹⁾
3	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,263	1.400 ⁽²⁾
4	Cyclohexanon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	400 ⁽²⁾
5	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,58	-
6	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	37	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột: Kp=0,8 và Kv=0,6
- ⁽²⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04956/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1722.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM**

Ngày lấy mẫu : 07/06/2025

Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An,
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.1722.KT1**: "KT12: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 1
công đoạn dán keo gốc dầu số 1 tại xưởng F2 nguồn số 23.
Tọa độ: X:1209208,1; Y:396595,3."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1722.KT1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	2.106	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,913	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04957/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1722.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 07/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1722.KT2**: "KT13: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 2
công đoạn dán keo gốc dầu số 2 tại xưởng F2 nguồn số 24.
Tọa độ: X: 1209219,7; Y: 396624,1."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1722.KT2	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.401	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,616	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiễn



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04958/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1722.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM**

Ngày lấy mẫu : 07/06/2025

Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An,
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.1722.KT3**: "KT14: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 3
công đoạn dán keo gốc dầu số 3 tại xưởng F3 nguồn số 25.
Tọa độ: X:1209223,7; Y: 396631,7."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1722.KT3	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.603	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	3,073	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,428	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiển



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04959/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1722.KT4
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM**

Ngày lấy mẫu : 07/06/2025

Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An,
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.1722.KT4**: "KT15: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 4
công đoạn dán keo gốc dầu số 4 tại xưởng F4 nguồn số 26.
Tọa độ: X:1209224,1 ; Y: 396702,7."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1722.KT4	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.574	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04916/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1570.KT3
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 06/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1570.KT3**: "KT16: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 5
công đoạn dán keo gốc dầu số 5 tại xưởng F5 nguồn số 27.
Tọa độ: X:1209242,7; Y:396708,6."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1570.KT3	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	6.309	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	3,134	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04917/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1570.KT4
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM**

Ngày lấy mẫu : 06/06/2025

Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An,
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.1570.KT4**: "KT17: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 6
công đoạn dán keo gốc dầu số 6 tại xưởng F6 nguồn số 28.
Tọa độ: X:1209232,6; Y:396770,2."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1570.KT4	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	7.528	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04591/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1508.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1508.KT3: "KT18: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 7 công đoạn dán keo gốc dầu số 07 tại xưởng F13 nguồn số 29. Tọa độ: X:1209410,7; Y: 397016,4"**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1508.KT3	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	3.624	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	4,615	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,716	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ ;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04596/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1524.KT4
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1524.KT4**: "KT19: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 8 công đoạn dán keo gốc dầu số 8 tại
xưởng F15 (65K) nguồn số 30. Tọa độ: X: 1209480.5; Y:397070.6."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1524.KT4	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	2.062	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	3,42	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04593/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1469.KT5
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1469.KT5**: "KT20: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 9 công đoạn dán keo gốc dầu số 1 tại
xưởng F2 nguồn số 31, nguồn số 32 và nguồn số 33.
Tọa độ: X: 1209505,4; Y: 397116,4"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1469.KT5	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	16.777	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	2,66	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,748	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04918/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1570.KT5
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM**

Ngày lấy mẫu : 06/06/2025

Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An,
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : **25.1570.KT5**: "KT21: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 10
công đoạn dán keo gốc dầu số 10 tại xưởng FRC1 (Xưởng C)
nguồn số 34. Tọa độ: X:1209273,1; Y:396770,3."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1570.KT5	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.188	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	2,96	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04919/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1570.KT6
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 06/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1570.KT6**: "KT22: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 11
công đoạn dán keo gốc dầu số 11 tại xưởng FRC2 (Xưởng D)
nguồn số 35. Tọa độ: X: 1209262,6; Y: 396865,3."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1570.KT6	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.391	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,306	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiễn



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04597/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1524.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1524.KT5:** "KT23: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi số 12 công đoạn dán keo gốc số 12
tại xưởng NID (NYB) nguồn số 36. Tọa độ: X: 1209534,9; Y: 396957,0. "

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1524.KT5	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	4.224	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04594/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1469.KT6
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP An Hòa, Phường Hóa An, Loại mẫu : Khí thải
Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : **25.1469.KT6**: KT24: Sau hệ thống xử lý bụi số 9 công đoạn xịt keo tại xưởng F15 (65K) gồm
nguồn 37. Tọa độ: X:1209792,03 ; Y:397027,17

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.1469.KT6	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.665	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	6,6	96
3	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.005,5	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột: Kp=0,8 và Kv=0,6
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiễn